

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1 - CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2025/KDTM-ST  
Ngày 16 tháng 9 năm 2025  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Xuân Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Mỹ Hương

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số H, đường L, phường L, quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vương Lê Vĩnh N, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ – Theo văn bản ủy quyền số 719/2025/UQN-VPBANK ngày 01/7/2025. (vắng mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông Trương Thành N1; Sinh năm: 1986; CCCD số: 096086008167, cấp ngày 05/01/2023.

2. Bà Phạm Thị L; Sinh năm: 1987; CCCD số: 037187011901, ngày 18/8/2021.

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã T, thành phố C (nay là phường T), tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP V có ký kết với ông Trương Thành N1, bà Phạm Thị L các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2009102762399 ký ngày 16/9/2020 với số tiền cho vay 429.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu SUZUKI ERTIGA GLX 1.5 AT sản xuất năm 2020 mới 100% để đi lại. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay: 9%/năm cố định trong 12 tháng sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 16/9/2025 là 289.220.770 đồng. Trong đó nợ gốc là 221.038.198 đồng, nợ lãi là 66.827.004 đồng, lãi chậm trả là 1.355.569 đồng.

2. Hợp đồng cho vay số LN2312261374680 ký ngày 29/12/2023 với số tiền cho vay 100.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn duy trì hạn mức: 60 tháng. Lãi suất cho vay: 12%/năm cố định trong 3 tháng sau đó điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 16/9/2025 là 106.185.261 đồng. Trong đó nợ gốc là 86.664.000 đồng, nợ lãi là 19.181.313 đồng, lãi chậm trả là 339.948 đồng.

Quá trình giao dịch các bên có ký kết hợp đồng đảm bảo cho khoản vay nêu trên là xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, mang biển kiểm soát số: 69A-083.63, có số khung: MHYANC22SLJ903096, số máy: K15BT1144600. Trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông N1, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 16/9/2025 tổng cộng là 395.406.032 đồng, trong đó: nợ gốc là 307.702.198 đồng, nợ lãi là 86.008.317 đồng, lãi chậm trả là 1.695.517 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi ông N1, bà L thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Trường hợp ông N1, bà L không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm để thi hành án là xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, mang biển số: 69A-083.63, có số khung: MHYANC22SLJ903096, số máy: KISBT1144600 theo hợp đồng thế chấp.

- Tại phiên tòa bị đơn - ông Trương Thành N1 và bà Phạm Thị L trình bày: Ông, bà có ký kết 2 hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng TMCP V với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, mang biển kiểm soát: 69A-083.63, có số khung: MHYANC22SLJ903096, số máy: KISBT1144600 như đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, hiện tại ông, bà không có tiền để đóng lãi và trả nợ gốc đúng theo thỏa thuận với Ngân hàng. Nay ông, bà thống nhất với các khoản tiền vốn và lãi mà Ngân hàng yêu cầu. Ông, bà cam kết sẽ bàn giao tài sản thế chấp cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để phát mãi tài sản thu hồi nợ cho Ngân hàng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xin được xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh N2, bà Phạm Thị Liên thanh T khoản vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại các điều 26, điều 35, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ông Trương Thành N1, bà Phạm Thị L thừa nhận giữa Ngân hàng với ông N1, bà L thực tế có ký hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng thế chấp tài sản để vay số tiền cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2009102762399 ký ngày 16/9/2020 với số tiền cho vay 429.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu SUZUKI ERTIGA GLX 1.5 AT sản xuất năm 2020 mới 100% để đi lại. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay: 9%/năm cố định trong 12 tháng sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 16/9/2025 là 289.220.770 đồng. Trong đó nợ gốc là 221.038.198 đồng, nợ lãi là 66.827.004 đồng, lãi chậm trả là 1.355.569 đồng.

2. Hợp đồng cho vay số LN2312261374680 ký ngày 29/12/2023 với số tiền cho vay 100.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng. Thời hạn duy trì hạn mức: 60 tháng. Lãi suất cho vay: 12%/năm cố định trong 3 tháng sau đó điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 16/9/2025 là 106.185.261 đồng. Trong đó nợ gốc là 86.664.000 đồng, nợ lãi là 19.181.313 đồng, lãi chậm trả là 339.948 đồng.

Đến thời điểm hiện nay ông N1, bà L xác định còn nợ số tiền đúng với yêu cầu của Ngân hàng nên thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét thấy, lời trình bày của ông N1, bà L là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Trương Thành N1, bà Phạm Thị Liên thanh T tổng vốn và lãi tính đến ngày 16/9/2025 là 395.406.032 đồng, trong đó: nợ gốc là 307.702.198 đồng, nợ lãi là 86.008.317 đồng, lãi chậm trả là 1.695.517 đồng và lãi phát sinh cho đến khi ông Trương Thành N1, bà Phạm Thị L thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Đồng thời các khoản vay trên được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, mang biển kiểm soát số: 69A-083.63, có số khung: MHYANC22SLJ903096, số máy: K15BT1144600. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết đúng quy định về hình thức và thủ tục theo quy định tại các Điều 292, 295, 298 Bộ luật Dân sự. Hợp đồng được xác lập trên tinh thần tự nguyện giữa Ngân hàng và ông N1, bà L. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N1, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu ông N1, bà Liên thanh T các khoản nợ gốc và lãi như trên là có căn cứ nên được

chấp nhận. Trường hợp ông N1, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Xét thấy các yêu cầu nêu trên của Ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 317, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468, 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V. Buộc ông Trương Thành N1 và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 16/9/2025 là 395.406.032 đồng, trong đó: nợ gốc là 307.702.198 đồng, nợ lãi là 86.008.317 đồng, lãi chậm trả là 1.695.517 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/9/2025, ông Trương Thành N1 và bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay quy định thì lãi suất mà ông Trương Thành N1 và bà Phạm Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trương Thành N1 và bà Phạm Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, mang biển số 69A-083.63, có số khung MHYANC22SLJ903096, số máy: KISBTI144600.

Kể từ khi ông Trương Thành N1 và bà Phạm Thị Liên hoàn T1 việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có trách nhiệm trả lại và làm thủ tục giải tỏa tài sản thế chấp ngay cho ông Trương Thành N1 và bà Phạm Thị L.

2. Án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm: Ông Trương Thành N1 và bà Phạm Thị L phải chịu 19.770.000 đồng (chưa nộp). Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí. Ngày 26/4/2025 Ngân hàng TMCP V đã dự nộp tạm ứng án phí số

tiền 8.242.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0010740, được nhận lại toàn bộ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Cà Mau;
- THA dân sự tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, AV, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Xuân Trúc**